

CÔNG TY CỔ PHẦN
DAP SỐ 2 - VINACHEM
Số: 609/TB-DAP2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lào Cai, ngày 22 tháng 3 năm 2024

THÔNG BÁO MỜI CHÀO HÀNG CẠNH TRANH

Kính gửi:

Bên mời chào hàng - Công ty Cổ phần DAP số 2 - Vinachem tổ chức mời chào hàng cạnh tranh gói Sửa chữa bãi thải gyps tạm thời 10,5ha đảm bảo an toàn vận hành, an toàn môi trường

Nhà thầu có nguyện vọng tham gia chào hàng được nhận miễn phí 01 bộ Hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh từ ngày 22 tháng 3 năm 2024 (trong giờ hành chính) đến thời điểm hết hạn nộp HSDX.

Tại địa điểm sau:

- Trụ sở chính: Công ty Cổ phần DAP số 2 – Vinachem
- Địa chỉ: Khu công nghiệp Tăng Loỏng, TT. Tăng Loỏng, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

- Điện thoại: 0214.3767081 - Fax: 0214.3767047

Hồ sơ đề xuất sẽ được mở công khai vào 19 giờ 10 phút (giờ Việt Nam), ngày 28 tháng 03 năm 2024 tại Công ty cổ phần DAP số 2 - Vinachem.

Công ty cổ phần DAP số 2 - Vinachem kính mời đại diện nhà thầu tới tham dự lễ mở HSDX với thời gian và địa điểm nêu trên./.

ĐẠI DIỆN BÊN MỜI CHÀO HÀNG
TỔNG GIÁM ĐỐC



Vũ Việt Tiến

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỒ SƠ YÊU CẦU

Gói thầu: Sửa chữa bãi thải gyps tạm thời 10,5ha đảm bảo an toàn vận hành, an toàn môi trường

Địa điểm: Nhà máy DAP số 2 – Khu công nghiệp Tăng Loỏng, TT Tăng Loỏng, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 608/QĐ-DAP2 ngày 12 tháng 3 năm 2024 của Công ty cổ phần DAP số 2 – Vinachem)

Lào Cai, ngày 22 tháng 3 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN DAP SỐ 2 - VINACHEM

TỔNG GIÁM ĐỐC



Vũ Việt Tiên



Chương I.

CHỈ DẪN NHÀ THẦU

Mục 1. Phạm vi gói thầu

1. Bên mời chào hàng Công ty Cổ phần DAP số 2 – Vinachem (dưới đây gọi tắt là DAP2) mời nhà thầu tham gia chào hàng cạnh tranh gói thầu được mô tả tại Chương IV – Yêu cầu đối với gói thầu.

- Tên gói thầu: Sửa chữa bãi thải gyps tạm thời 10,5ha đảm bảo an toàn vận hành, an toàn môi trường.

2. Nguồn vốn để thực hiện gói thầu: Vay/Tự có.

3. Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định.

4. Thời gian thực hiện hợp đồng: 40 ngày (không bao gồm trường hợp bất khả kháng và ảnh hưởng thời tiết không thể thi công).

Mục 2. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp chứng minh doanh nghiệp có chức năng thi công xây dựng công trình;

2. Hạch toán tài chính độc lập;

3. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;

Mục 3. Chi phí, đồng tiền, ngôn ngữ trong chào hàng

1. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự chào hàng.

2. Đồng tiền tham dự chào hàng và đồng tiền thanh toán là VND.

3. HSDX cũng như tất cả văn bản và các tài liệu liên quan đến HSDX được trao đổi giữa bên mời chào hàng và nhà thầu phải được viết bằng tiếng Việt.

Mục 4. Thành phần của HSDX

HSDX do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm:

1. Đơn chào hàng theo Mẫu số 01 Chương III – Biểu mẫu;

2. Bảng tổng hợp giá chào theo Mẫu số 03 Chương III – Biểu mẫu

3. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn chào hàng của nhà thầu; tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà thầu theo quy định tại mục 2 chương I của HSYC.

4. Tài liệu chứng minh năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu theo quy định tại mục 2 chương II của HSYC.

Mục 5. Giá chào và giảm giá

1. Giá chào ghi trong đơn chào hàng bao gồm toàn bộ chi phí để thực hiện gói thầu (chưa tính giảm giá) theo yêu cầu của HSYC.

2. Nhà thầu phải nộp HSDX cho toàn bộ công việc nêu tại Mục 1 Chương này và ghi đơn giá, thành tiền cho tất cả các công việc nêu trong các bảng giá tương ứng quy định tại Chương III - Biểu mẫu.

Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong HSYC với đúng giá đã chào.

3. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì có thể ghi trực tiếp vào đơn chào hàng hoặc đề xuất riêng trong thư giảm giá. Trường hợp giảm giá, nhà thầu phải nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục. Trường hợp có thư giảm giá thì thư giảm giá có thể để cùng trong HSDX hoặc nộp riêng song phải bảo đảm bên mời chào hàng nhận được trước thời điểm hết hạn nộp HSDX. Thư giảm giá sẽ được bên mời chào hàng bảo quản như một phần của HSDX và được mở đồng thời cùng HSDX của nhà thầu; trường hợp thư giảm giá không được mở cùng HSDX và không được ghi vào biên bản mở thầu thì không có giá trị.

4. Giá chào của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm hết hạn nộp HSDX theo quy định. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì HSDX của nhà thầu sẽ bị loại.

Mục 6. Thời gian có hiệu lực của HSDX

1. Thời gian có hiệu lực của HSDX là **45 ngày**, kể từ ngày có thời điểm hết hạn nộp HSDX. HSDX nào có thời hạn hiệu lực ngắn hơn quy định sẽ không được tiếp tục xem xét, đánh giá.

2. Trong trường hợp cần thiết trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSDX, bên mời chào hàng có thể đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu lực của HSDX. Việc gia hạn, chấp nhận hoặc không chấp nhận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản. Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn thì HSDX của nhà thầu này không được xem xét tiếp. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của HSDX.

Mục 7. Quy cách HSDX

1. Nhà thầu phải chuẩn bị 01 bản gốc cùng 02 bản chụp HSDX đồng thời ghi bên ngoài hồ sơ và túi đựng tương ứng là “BẢN GỐC HỒ SƠ ĐỀ XUẤT”, “BẢN CHỤP HỒ SƠ ĐỀ XUẤT”.

2. Túi đựng HSDX của nhà thầu phải được niêm phong và ghi rõ tên gói thầu, tên nhà thầu, tên bên mời chào hàng. Bên mời chào hàng có trách nhiệm bảo mật thông tin trong HSDX của nhà thầu.

3. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về tính thống nhất giữa bản gốc và bản chụp. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp nhưng không làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà thầu thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp dẫn đến kết quả đánh giá trên bản gốc khác kết quả đánh giá trên bản chụp, làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà thầu thì HSDX của nhà thầu bị loại.

4. Tất cả các thành phần của HSDX nêu tại Mục 4 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu phải được ký bởi người đại diện hợp pháp của nhà thầu và kèm theo Giấy ủy quyền hợp lệ (nếu ủy quyền) theo quy định tại Chương III – Biểu mẫu.

5. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó

của người ký đơn chào hàng.

Mục 8. Nộp, rút, thay thế và sửa đổi HSDX

1. Nhà thầu nộp trực tiếp hoặc gửi HSDX theo đường bưu điện đến địa chỉ của bên mời chào hàng nhưng phải đảm bảo bên mời chào hàng nhận được trước thời điểm hết hạn nộp HSDX là 19 giờ 00 phút ngày 28 tháng 03 năm 2024.

2. Bên mời chào hàng sẽ tiếp nhận HSDX của tất cả nhà thầu nộp HSDX trước thời điểm hết hạn nộp HSDX. Trường hợp nhà thầu nộp HSDX sau thời điểm hết hạn nộp HSDX thì HSDX bị loại và được trả lại nguyên trạng cho nhà thầu.

3. Sau khi nộp, nhà thầu có thể rút lại HSDX bằng cách gửi văn bản thông báo có chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà thầu đến bên mời chào hàng trước thời điểm hết hạn nộp HSDX.

Trước thời điểm hết hạn nộp HSDX, nếu cần sửa đổi hoặc thay thế HSDX thì nhà thầu nộp HSDX thay thế hoặc HSDX sửa đổi cho bên mời chào hàng với cách ghi thông tin nêu tại khoản 1, khoản 2 Mục 7 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu.

Mục 9. Mở HSDX

1. Bên mời chào hàng tiến hành mở công khai HSDX của các nhà thầu vào lúc 14 giờ 10 phút ngày 28 tháng 03 năm 2024 tại Trụ sở Công ty Cổ phần DAP số 2 - Vinachem trước sự chứng kiến của các nhà thầu tham dự. Việc mở HSDX không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của đại diện nhà thầu tham dự chào hàng.

2. Bên mời chào hàng phải lập biên bản mở thầu gồm các thông tin chủ yếu của HSDX của các nhà thầu: tên nhà cung cấp, giá chào, thời gian có hiệu lực của HSDX; được ký xác nhận bởi đại diện của bên mời chào hàng và các nhà thầu tham dự. Việc thiếu chữ ký của nhà thầu trong biên bản sẽ không làm cho biên bản mất ý nghĩa và mất hiệu lực.

Mục 10. Làm rõ HSDX

1. Sau khi mở HSDX, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ HSDX theo yêu cầu của bên mời chào hàng.

2. Việc làm rõ phải bảo đảm không làm thay đổi bản chất của nhà thầu, không làm thay đổi nội dung cơ bản của HSDX đã nộp và không thay đổi giá chào.

Mục 11. Đánh giá HSDX và thương thảo hợp đồng

1. Việc đánh giá HSDX được thực hiện theo quy định tại Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX. Nhà thầu có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá thấp nhất được xếp hạng thứ nhất và được mời vào thương thảo hợp đồng.

2. Việc thương thảo hợp đồng dựa trên các tài liệu sau: Báo cáo đánh giá HSDX, HSDX và các tài liệu làm rõ HSDX (nếu có) của nhà thầu; HSYC.

3. Nguyên tắc thương thảo hợp đồng như sau:

a) Không tiến hành thương thảo đối với các nội dung nhà thầu đã chào theo đúng yêu cầu nêu trong HSYC;

b) Khi thương thảo hợp đồng đối với phần sai lệch thiếu, trường hợp trong HSDX của nhà thầu không có đơn giá tương ứng với phần sai lệch thì phải lấy mức đơn giá dự thầu thấp nhất trong số các HSDX của nhà thầu khác đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật hoặc lấy mức đơn giá trong dự toán được duyệt nếu chỉ có duy nhất nhà thầu này vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở thương thảo đối với sai lệch thiếu

đó.

4. Nội dung thương thảo hợp đồng:

a) Thương thảo về những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, thống nhất giữa HSYC và HSDX, giữa các nội dung khác nhau trong HSDX có thể dẫn đến các phát sinh, tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng;

b) Thương thảo về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà thầu (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói thầu;

c) Thương thảo về các nội dung cần thiết khác.

5. Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng và phụ lục hợp đồng. Trường hợp thương thảo không thành công, chủ đầu tư xem xét, quyết định mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo.

Mục 12. Điều kiện xét duyệt trúng thầu

Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có HSDX hợp lệ;

2. Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu quy định tại Mục 2 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX;

3. Có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá thấp nhất;

4. Có giá đề nghị trúng thầu không vượt dự toán gói thầu được phê duyệt.

Mục 13. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu

1. Kết quả lựa chọn nhà thầu sẽ được gửi đến tất cả nhà thầu tham dự chào hàng theo đường bưu điện, fax hoặc email.

2. Sau khi nhận được thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, nếu nhà thầu không được lựa chọn có văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong thời gian tối đa 03 ngày làm việc nhưng phải trước ngày ký hợp đồng, DAP2 sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà thầu.

Mục 14. Điều kiện ký kết hợp đồng

Tại thời điểm ký kết hợp đồng, HSDX của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.

Chương II. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSDX

Mục 1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSDX

1.1. Kiểm tra HSDX

a) Kiểm tra số lượng bản chụp HSDX;

b) Kiểm tra các thành phần của HSDX theo yêu cầu tại Mục 4 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu;

c) Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết HSDX.

1.2. Tiêu chí đánh giá tính hợp lệ của HSDX

HSDX của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

a) Có bản gốc HSDX;

b) Có đơn chào hàng được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của HSYC;

c) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn chào hàng phải đáp ứng yêu cầu nêu trong HSYC;

d) Giá chào ghi trong đơn chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với bảng tổng hợp giá chào, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho bên mời chào hàng;

đ) Thời gian có hiệu lực của HSDX đáp ứng yêu cầu nêu tại Mục 6 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu;

e) Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 2 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu.

f) Nhà thầu không có tên trong 2 hoặc nhiều HSDX với tư cách là nhà thầu chính.

Nhà thầu có HSDX hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp về năng lực, kinh nghiệm.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

Việc đánh giá về năng lực và kinh nghiệm được thực hiện theo tiêu chí “Đạt” và “Không đạt”. Nhà thầu được đánh giá là đạt về năng lực và kinh nghiệm khi đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại các Mục này.

TT	Nội dung yêu cầu	Mức yêu cầu tối thiểu để được đánh giá là đáp ứng (đạt)	Tài liệu cần nộp
1	Doanh thu bình quân 02 năm 2021 và 2022 Tài liệu chứng minh: Báo cáo tài chính đã nộp thuế, có xác nhận của cơ quan thuế, quyết toán thuế TNDN.	≥ 2 tỷ đồng	
2	Yêu cầu nhà thầu cung cấp 01 hợp đồng thi công/sửa chữa công trình xây dựng đã thực hiện từ năm 2019 cho đến thời điểm hiện tại có giá trị ≥ 1,5 tỷ đồng. Trường hợp đang thực hiện thì yêu cầu khối lượng đã thực hiện được đạt ≥ 80% giá trị hợp đồng.	01 hợp đồng	Bản sao công chứng
3	Cam kết thực hiện gói thầu		Mẫu 04

(Nhà cung cấp đã thực hiện các hợp đồng thi công, sửa chữa cho DAP2 từ năm 2019 có giá trị hợp đồng từ 1 tỷ đồng trở lên không cần chứng minh về năng lực và kinh nghiệm)

Nhà thầu được đánh giá là đạt về năng lực và kinh nghiệm được chuyển sang đánh giá về kỹ thuật.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật:

TT	Nội dung yêu cầu	Mức yêu cầu tối thiểu để được đánh giá là đáp ứng (đạt)	Tài liệu cần nộp
1	Biện pháp tổ chức thi công		

TT	Nội dung yêu cầu	Mức yêu cầu tối thiểu để được đánh giá là đáp ứng (đạt)	Tài liệu cần nộp
-	Có biện pháp thi công đảm bảo chất lượng, tiến độ theo hồ sơ yêu cầu, thẩm mỹ công trình.	Đáp ứng	
-	Không có biện pháp thi công hoặc có nhưng không đảm bảo chất lượng theo hồ sơ thiết kế, tiến độ yêu cầu, thẩm mỹ công trình.	Không đáp ứng	
2	Tiến độ thi công		
-	Cam kết đảm bảo tiến độ theo yêu cầu.	Đáp ứng	
-	Không có cam kết.	Không đáp ứng	
3	Bảo hành công trình		
-	Có cam kết bảo hành công trình 12 tháng.	Đáp ứng	
-	Không có cam kết.	Không đáp ứng	

Nhà thầu được đánh giá là đạt về yêu cầu kỹ thuật sẽ được chuyển sang đánh giá về giá.

Mục 3. Xác định giá chào

Cách xác định giá chào thấp nhất theo các bước sau:

Bước 1: Xác định giá chào;

Bước 2: Sửa lỗi;

Bước 3: Hiệu chỉnh sai lệch;

Bước 4: Xác định giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 6: Xếp hạng nhà thầu. HSDX có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

ĐƠN CHÀO HÀNG⁽¹⁾

Ngày: ____ [*Điền ngày tháng năm ký đơn chào hàng*]

Tên gói thầu: _____ [*Ghi tên gói thầu theo thông báo mời chào hàng*]

Kính gửi: [*Điền đầy đủ và chính xác tên của bên mời chào hàng*]

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu và văn bản sửa đổi hồ sơ yêu cầu số ____ [*Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có*] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, ____ [*Ghi tên nhà thầu*], có địa chỉ tại ____ [*Ghi địa chỉ của nhà thầu*] cam kết thực hiện gói thầu ____ [*Ghi tên gói thầu*] theo đúng yêu cầu của hồ sơ yêu cầu với tổng số tiền là ____ [*Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền*]⁽²⁾ cùng với biểu giá kèm theo.

Thời gian thực hiện hợp đồng là ____ [*Ghi thời gian để thực hiện xong tất cả nội dung công việc theo yêu cầu của gói thầu*]⁽³⁾.

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một hồ sơ đề xuất này với tư cách là nhà thầu chính.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Những thông tin kê khai trong hồ sơ đề xuất là trung thực.

Nếu hồ sơ đề xuất của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi cam kết đàm phán, hoàn thiện và ký hợp đồng.

Hồ sơ đề xuất này có hiệu lực trong thời gian ____ ngày⁽⁴⁾, kể từ ngày ____ tháng ____ năm ____⁽⁵⁾.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu⁽⁶⁾

[*Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

Ghi chú:

(1) Nhà thầu lưu ý điền đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của bên mời chào hàng, nhà thầu, thời gian có hiệu lực của hồ sơ đề xuất, được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có).

(2) Giá chào ghi trong đơn chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá chào hàng ghi trong biểu giá tổng hợp, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho bên mời chào hàng.

(3) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn chào hàng phải phù hợp yêu cầu về tiến độ nêu tại Mục 2 Chương IV – Yêu cầu đối với gói thầu.

(4) Ghi số ngày có hiệu lực theo đúng yêu cầu của HSYC.

(5) Ghi ngày hết hạn nộp HSDX theo quy định của HSYC.

(6) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn chào hàng thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Chương này.

GIẤY ỦY QUYỀN ⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là _ [Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu], là người đại diện theo pháp luật của _ [Ghi tên nhà thầu] có địa chỉ tại _ [Ghi địa chỉ của nhà thầu] bằng văn bản này ủy quyền cho _ [Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia dự thầu gói thầu _ [Ghi tên gói thầu] do _ [Ghi tên bên mời chào hàng] tổ chức:

[- Ký đơn chào hàng;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời chào hàng trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ hồ sơ yêu cầu và văn bản giải trình, làm rõ hồ sơ đề xuất;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Ký kết hợp đồng với chủ đầu tư nếu được lựa chọn.] ⁽²⁾

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [Ghi tên nhà thầu]. ____ [Ghi tên nhà thầu] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [Ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____ ⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu
(nếu có)]

Người ủy quyền

[Ghi tên người đại diện theo pháp luật của
nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho bên mời chào hàng cùng với đơn chào hàng. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia chào hàng.

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ CHÀO

Gói thầu: sửa chữa bãi thải gyps tạm thời 10,5ha đảm bảo an toàn vận hành, an toàn môi trường

Stt	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
1.	Phát quang, dọn cỏ khu vực thi công	100m ²	72,480		
2.	Đào xúc đất bằng máy đào 1,25m ³ - Cấp đất III	100m ³	618,000		
3.	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 12T, phạm vi ≤500m - Cấp đất III	100m ³	685,980		
4.	San đất bãi thải bằng máy ủi 110CV	100m ³	370,800		
5.	Đào xúc đất bằng máy đào 1,25m ³ - Cấp đất III (đoạn bờ bao từ cọc D31 đến D39)	100m ³	44,100		
6.	Máy thi công vuốt mái taluy bờ bao từ cọc D31 đến D39	Giờ	20,000		
	Tổng cộng				

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

- Đơn giá tại cột (5) bao gồm các chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu theo yêu cầu của bên mời chào hàng, trong đó bao gồm các chi phí thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm hết hạn nộp HSDX theo quy định.

BẢN CAM KẾT THỰC HIỆN GÓI THẦU

Ngày: _____ [Điền ngày tháng năm ký cam kết]

Tên gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt]

Kính gửi: [Điền đầy đủ và chính xác tên của bên mời chào hàng]

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu, văn bản sửa đổi hồ sơ yêu cầu số _____ [Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có] và các tài liệu đính kèm hồ sơ yêu cầu do _____ [Ghi tên bên mời chào hàng] phát hành, chúng tôi, _____ [Ghi tên nhà thầu], có địa chỉ tại _____ [Ghi địa chỉ của nhà thầu] cam kết thực hiện gói thầu theo đúng yêu cầu của hồ sơ yêu cầu.

Chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác của thông tin nêu trong bản cam kết này.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Chương IV. YÊU CẦU ĐỐI VỚI GÓI THẦU

Mục 1. Phạm vi công việc

- Cắt hạ chiều cao phần diện tích 7.248 m² thuộc khu vực cột điện cũ 110kV để tạo độ dốc dẫn nước, hướng ra ngoài bãi thải gyps; giá cố tạo đường công vụ khu vực cột điện cũ 110kV để kết nối bao quanh bãi thải gyps.

- Sửa chữa lại mái ta luy khu vực cột điện cũ 110kV;

- Hàn bổ sung màng HDPE khu vực mái taluy để phòng ngừa sạt lở gyps xuống khu vực mái taluy khu vực giáp cột điện 110kV (Phần công việc này Công ty thực hiện).

- Đất được vận chuyển và đổ phía ngoài đê bao bãi thải gyps tạm thời để tăng độ an toàn cho đê bao và phòng ngừa sự cố trong trường hợp mùa mưa sắp tới.

(Chi tiết xem bản vẽ sửa chữa đính kèm).

Mục 2. Tiến độ, địa điểm thực hiện

1. Thời gian thực hiện hợp đồng: 40 ngày.

2. Địa điểm thực hiện: Mặt bằng khu vực bãi thải gyps Nhà máy DAP số 2, khu công nghiệp Tăng Loong, thị trấn Tăng Loong, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

Mục 3. Yêu cầu kỹ thuật:

- Bên B phải trình Bên A biện pháp thi công để Bên A xem xét chấp thuận trước khi triển khai thi công.

- Thi công theo phương án sửa chữa và chỉ dẫn của Bên A.

- Thi công đảm bảo an toàn con người, tài sản của bên A. Trường hợp trong quá trình thi công nhà thầu làm hư hỏng tài sản của Bên A phải bồi thường hoàn trả lại theo đúng hiện trạng.

- Đảm bảo an toàn môi trường, an toàn lao động theo quy định.

- Đảm bảo chất lượng theo quy định khác của hợp đồng.

- Đổ thải theo chỉ dẫn của Bên A.

- Nghiệm thu theo quy định hiện hành.

Mục 4. Yêu cầu về bảo hành:

- Thời gian bảo hành công trình: 12 tháng kể từ ngày bàn giao đưa vào sử dụng.

Chương V. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: .../2024/HĐKT

Về việc: sửa chữa bãi thải gyps tạm thời 10,5ha đảm bảo an toàn vận hành, an toàn môi trường

PHẦN 1 - CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

Căn cứ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;

Căn cứ Biên bản đàm phán thương thảo hợp đồng ngày / /2024;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-DAP2 ngày .../.../2024 của Công ty cổ phần DAP số 2 – Vinachem về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói mua sắm sửa chữa bãi thải gyps tạm thời 10,5ha đảm bảo an toàn vận hành, an toàn môi trường;

PHẦN 2 - CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG

Hôm nay, ngày tháng năm 2024 tại Trụ sở Công ty cổ phần DAP số 2 – Vinachem, chúng tôi gồm các Bên dưới đây:

1. Đại diện Bên A: Công ty Cổ phần DAP số 2 – VINACHEM

Đại diện là Ông : - Chức vụ: Tổng Giám đốc

Địa chỉ : KCN Tăng Loỏng, Thị trấn Tăng Loỏng, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

Số tài khoản : 10201 0000 768308 tại Ngân hàng Công thương Lào Cai

Mã số thuế : 5300265969

Điện thoại : 0214.3767048 ; Fax : 0214.3767 047

Và:

2. Đại diện Bên B:

Đại diện là Ông : - Chức vụ:

Địa chỉ :

Số tài khoản :

MST :

Hai Bên cùng thống nhất ký hợp đồng bao gồm các điều khoản sau:

Điều 1. Nội dung công việc và yêu cầu trong quá trình thi công:

Bên A đồng ý giao và Bên B đồng ý nhận thực hiện sửa chữa bãi thải gyps tạm thời 10,5ha đảm bảo an toàn vận hành, an toàn môi trường theo đúng yêu cầu của HSYC; đảm bảo chất lượng, tiến độ, giá cả, an toàn và các thoả thuận khác trong hợp đồng.

Phạm vi và khối lượng thực hiện cụ thể như sau:

- Cắt hạ chiều cao phần diện tích 7.248 m² thuộc khu vực cột điện cũ 110kV để tạo độ dốc dẫn nước, hướng ra ngoài bãi thải gyps; giá cố tạo đường công vụ khu vực cột điện cũ 110kV để kết nối bao quanh bãi thải gyps.

- Sửa chữa lại mái ta luy khu vực cột điện cũ 110kV;

- Hàn bổ sung màng HDPE khu vực mái taluy để phòng ngừa sạt lở gyps xuống khu vực mái taluy khu vực giáp cột điện 110kV (Phần công việc này Công ty thực hiện).

- Đất được vận chuyển và đổ phía ngoài đê bao bãi thải gyps tạm thời để tăng độ an toàn cho đê bao và phòng ngừa sự cố trong trường hợp mùa mưa sắp tới.

Điều 2: Yêu cầu kỹ thuật:

- Bên B phải trình Bên A biện pháp thi công để Bên A xem xét chấp thuận trước khi triển khai thi công.

- Thi công theo phương án sửa chữa và chỉ dẫn của Bên A.

- Thi công đảm bảo an toàn con người, tài sản của bên A. Trường hợp trong quá trình thi công nhà thầu làm hư hỏng tài sản của Bên A phải bồi thường hoàn trả lại theo đúng hiện trạng.

- Đảm bảo an toàn môi trường, an toàn lao động theo quy định.

- Đảm bảo chất lượng theo quy định khác của hợp đồng.

- Đổ thải theo chỉ dẫn của Bên A.

- Nghiệm thu theo quy định hiện hành.

Điều 3. Yêu cầu về chất lượng sản phẩm và nghiệm thu, bàn giao sản phẩm Hợp đồng thi công xây dựng:

3.1. Yêu cầu về chất lượng sản phẩm của hợp đồng:

Công trình phải được thi công theo chỉ dẫn kỹ thuật được nêu trong HSYC phù hợp với hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn được áp dụng cho công trình và các quy định về chất lượng công trình xây dựng của nhà nước có liên quan;

3.2. Nghiệm thu sản phẩm các công việc hoàn thành:

a) Nghiệm thu sản phẩm các công việc hoàn thành thực hiện theo quy định của Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ và các văn bản liên quan.

b) Hồ sơ nghiệm thu, bàn giao gồm:

- Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành được đại diện Bên A và Bên B ký xác nhận.

- Biên bản nghiệm thu bàn giao công trình đưa vào sử dụng

- Hồ sơ quản lý chất lượng.

- Bản vẽ hoàn công tương ứng với khối lượng nghiệm thu.

- Nhật ký thi công

3.3. Nghiệm thu, bàn giao công trình:

Sau khi các công việc theo hợp đồng được hoàn thành đáp ứng yêu cầu của hợp đồng thì Bên B thông báo cho Bên A để tiến hành nghiệm thu công trình. Bên B thông báo cho Bên A nghiệm thu công trình không sớm hơn 05 ngày trước khi công trình được hoàn thành và sẵn sàng để bàn giao.

Điều 4. Thời gian và tiến độ thực hiện Hợp đồng:

Tiến độ thực hiện hợp đồng: 40 ngày kể từ ngày Bên A bàn giao mặt bằng cho Bên B (không bao gồm trường hợp bất khả kháng và ảnh hưởng thời tiết không thể thi công).

Điều 5. Giá hợp đồng và thanh toán:

5.1. Giá hợp đồng:

- Tổng giá trị hợp đồng (đã bao gồm VAT) là ...**đồng**

(*Bằng chữ:*)

- Hình thức Hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.

- Chi tiết giá hợp đồng được nêu trong Phụ lục số 01 đính kèm.

- Giá hợp đồng trên đã bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện công việc theo Hợp đồng, lợi nhuận của Bên B và tất cả các loại thuế, phí liên quan đến công việc theo quy định của pháp luật.

5.2. Tạm ứng: Theo thương thảo Hợp đồng

5.3. Thanh toán:

- Số lần thanh toán: Theo thương thảo Hợp đồng

- Bên A thanh toán cho Bên B trong vòng 30 ngày sau khi nghiệm thu bàn giao công trình đưa vào sử dụng và Bên A nhận được đủ hồ sơ thanh toán sau:

✓ Giấy đề nghị thanh toán.

✓ Hồ sơ quản lý chất lượng.

✓ Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành

✓ Biên bản nghiệm thu bàn giao công trình đưa vào sử dụng.

✓ Bản vẽ hoàn công tương ứng với khối lượng nghiệm thu.

✓ Nhật ký thi công

✓ Bảng xác nhận giá trị hoàn thành đề nghị quyết toán A-B.

✓ Hóa đơn giá trị gia tăng của Bên B.

✓ Bảo lãnh bảo hành trong trường hợp Bên B phát hành thư bảo lãnh của ngân hàng.

- Bên A sẽ tạm giữ giá trị bảo hành bằng 5% giá trị quyết toán hoặc Bên B phát hành thư bảo lãnh bảo hành của ngân hàng giá trị 5% giá trị quyết toán (Nội dung bảo lãnh bảo hành phải được sự chấp thuận của Bên A). Hiệu lực của bảo lãnh bảo hành tính từ ngày bàn giao công trình cho tới khi thời gian bảo hành kết thúc cộng thêm 10 ngày. Bên A sẽ thanh toán giá trị trên cho Bên B sau khi kết thúc thời gian bảo hành theo quy định được Bên A xác nhận.

- Trường hợp Bên A chậm thanh toán quá 30 ngày so với quy định, Bên A phải chịu phạt chậm thanh toán theo lãi suất cho vay của ngân hàng Vietinbank công bố tại thời điểm tính lãi chậm thanh toán.

5.4. Đồng tiền và hình thức thanh toán:

a) Đồng tiền thanh toán: Bằng đồng tiền Việt Nam (VND).

b) Hình thức thanh toán: chuyển khoản.

Điều 6. Điều chỉnh giá hợp đồng

Chỉ điều chỉnh giá hợp đồng đối với những khối lượng công việc bổ sung hợp lý chưa có đơn giá trong hợp đồng (là những khối lượng công việc nằm ngoài phạm vi công việc phải thực hiện của thiết kế kèm theo hợp đồng) và các trường hợp bất khả kháng. Các bên phải ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng làm cơ sở Điều chỉnh giá hợp đồng.

Khi bổ sung khối lượng công việc chưa có đơn giá trong hợp đồng thì các bên tham gia hợp đồng thống nhất đơn giá công việc này trước khi thực hiện. Việc xác định đơn giá theo Thông tư hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình của Bộ Xây dựng và các thỏa thuận trong hợp đồng.

Đối với các trường hợp bất khả kháng: Đơn giá cho các công việc phải khắc phục hậu quả bất khả kháng được xác định căn cứ vào Điều kiện thực tế, Thông tư hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình của Bộ Xây dựng. Có thể áp dụng đơn giá trong hợp đồng đã ký kết; hoặc đơn giá xác định theo nguyên tắc thỏa thuận trong hợp đồng về đơn giá mới cho khối lượng công việc bổ sung, phát sinh bổ sung ngoài phạm vi hợp đồng.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

7.1. Quyền của Bên A:

Ngoài các quyền khác đã quy định trong Hợp đồng, Bên A còn có quyền:

Bên A có quyền yêu cầu Bên B thanh toán tiền khi Bên B không thực hiện các trách nhiệm của mình mà Bên A phải thuê nhà thầu khác thực hiện hay các chi phí khác có liên quan. Bên A được khấu trừ số tiền này vào bất kỳ khoản thanh toán nào cho Bên B hoặc Bên B phải nhận nợ phải thanh toán cho Bên A.

7.2. Nghĩa vụ của Bên A:

Ngoài các nghĩa vụ khác đã quy định trong Hợp đồng, Bên A còn có các nghĩa vụ sau:

- Bàn giao toàn bộ mặt bằng sửa chữa cho Bên B quản lý, sử dụng phù hợp với tiến độ và các thỏa thuận của Hợp đồng.

- Tổ chức nghiệm thu theo quy định của hợp đồng.

- Xem xét và chấp thuận kịp thời bằng văn bản các đề xuất liên quan đến thiết kế, thi công của Bên B trong quá trình thi công xây dựng công trình.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

8.1. Quyền của Bên B:

Ngoài các quyền khác đã quy định trong Hợp đồng, Bên B còn có quyền:

- Được quyền đề xuất với Bên A về khối lượng phát sinh ngoài Hợp đồng; từ chối thực hiện công việc ngoài phạm vi Hợp đồng khi chưa được hai Bên thống nhất và những yêu cầu trái pháp luật của Bên A;

- Được thay đổi các biện pháp thi công sau khi được Bên A chấp thuận nhằm đẩy nhanh tiến độ, bảo đảm chất lượng, an toàn, hiệu quả công trình trên cơ sở giá Hợp đồng đã ký kết.

8.2. Nghĩa vụ của Bên B:

Ngoài các nghĩa vụ khác đã quy định trong Hợp đồng, Bên B còn có các nghĩa vụ sau:

- Tuân thủ các nội quy, quy định của Bên A trong suốt quá trình thi công.
- Bên B phải thi công sửa chữa theo phương án sửa chữa của Bên A, bảo đảm chất lượng, tiến độ, an toàn, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong các Điều khoản của hợp đồng.
- Bên B phải tập kết đầy đủ thiết bị máy móc, vật tư hàng hóa, sửa chữa thiết bị hỏng hóc để đảm bảo tiến độ; chịu trách nhiệm về sự đầy đủ số lượng, tính sở hữu, tình trạng hoạt động 100% công suất của thiết bị phục vụ thi công, trường hợp có thay đổi phải được Bên A chấp thuận.
- Bên B phải tuân thủ chỉ dẫn, giám sát của Bên A.
- Bảng chi phí của mình Bên B phải khắc phục và hoàn trả các hạng mục, kết cấu liên quan khi Bên B làm hư hỏng trong quá trình thi công.
- Bên B phải giới hạn các hoạt động của mình trong phạm vi công trường và khu vực bổ sung mà Bên B có và được Bên A đồng ý là nơi làm việc.
- Sau khi biên bản nghiệm thu bàn giao công trình đã được ký, Bên B phải dọn sạch và đưa đi tất cả thiết bị, nguyên vật liệu thừa, phế thải xây dựng, rác rưởi và công trình tạm.
- Tuân thủ các quy định của Chủ đầu tư về an toàn phòng chống dịch bệnh, nhà thầu phải đệ trình danh sách toàn bộ nhân sự tham gia quá trình thi công gửi Chủ đầu tư kiểm tra, giám sát nhân sự ra vào hàng ngày.
- Cán bộ kỹ thuật chủ chốt phải có chứng chỉ huấn luyện an toàn vệ sinh lao động theo quy định.

Điều 9. An toàn lao động, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ

9.1. An toàn lao động:

- a) Bên B phải lập các biện pháp an toàn và chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho con người, tài sản của Bên A, kể cả các công trình phụ cận, các công trình liền kề... và đệ trình đến Bên A để xem xét chấp thuận.
- b) Biện pháp an toàn, nội quy về an toàn lao động phải được thể hiện công khai trên công trường xây dựng để mọi người biết và chấp hành; những vị trí nguy hiểm trên công trường phải bố trí người hướng dẫn, cảnh báo đề phòng tai nạn.
- c) Khi có sự cố về an toàn lao động, Bên B và các Bên có liên quan có trách nhiệm tổ chức xử lý và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về an toàn lao động theo quy định của pháp luật.
- d) Bên B phải giới hạn các hoạt động của mình trong phạm vi công trường và khu vực bổ sung mà Bên B có và được Bên A đồng ý là nơi làm việc.
- e) Cán bộ, công nhân khi vào cổng bảo vệ công trường phải có trang bị đầy đủ bảo hộ lao động quần áo, giày, mũ bảo hộ, băng tên ... theo quy định về pháp luật an toàn lao động. Không được tự ý mang theo chất nổ, chất gây cháy, vũ khí vào công trường. Không được mang theo hoặc sử dụng rượu bia, chất kích thích, tổ chức nấu nướng trong công trường.
- f) Trong suốt quá trình thi công, Bên B phải tuân thủ tuyệt đối quy định an toàn lao động, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ theo quy định của hợp đồng và các quy định của pháp luật hiện hành; chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật và

bồi thường thiệt hại 100% nếu để xảy ra tai nạn lao động cho con người và tài sản trong phạm vi thi công.

9.2. Bảo vệ môi trường:

a) Bên B phải thực hiện các biện pháp bảo đảm về môi trường trên công trường và bảo vệ môi trường xung quanh, bao gồm có biện pháp chống bụi, chống ồn, xử lý phế thải và thu dọn hiện trường. Phải thực hiện các biện pháp bao che, thu dọn phế thải đưa đến đúng nơi quy định.

b) Các Bên phải có trách nhiệm kiểm tra giám sát việc thực hiện bảo vệ môi trường xây dựng, đồng thời chịu sự kiểm tra giám sát của cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường.

c) Bên B để xảy ra các hành vi làm tổn hại đến môi trường trong quá trình thi công xây dựng công trình phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra.

Điều 10. Tạm ngừng và chấm dứt hợp đồng bởi Bên A

10.1. Tạm ngừng thực hiện công việc của Hợp đồng bởi Bên A:

Nếu Bên B không thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng, Bên A ra thông báo yêu cầu Bên B phải thực hiện và sửa chữa các sai hỏng trong khoảng thời gian hợp lý cụ thể.

Bên A quyết định ngừng thực hiện công việc trong Hợp đồng khi Bên B không đáp ứng các yêu cầu về tiến độ, chất lượng, an toàn lao động và các quy định khác của Hợp đồng đã ký kết.

Trước khi tạm ngừng, Bên A thông báo bằng văn bản cho Bên B không ít hơn 03 ngày và trong thông báo sẽ nêu rõ lý do tạm ngừng.

10.2. Chấm dứt hợp đồng bởi Bên A:

Bên A được đơn phương chấm dứt hợp đồng nếu Bên B có vi phạm những quy định là điều kiện để chấm dứt hợp đồng (tùy theo điều kiện nào đến trước) như sau:

a) Bên B không triển khai công việc trong vòng 05 ngày kể từ ngày Bên A bàn giao mặt bằng thi công công trình.

b) Chậm tiến độ thi công lớn hơn 10 (mười) ngày khi chưa được Bên A chấp nhận;

c) Bên B bị phá sản, giải thể.

d) Các trường hợp khác.

Bên A thông báo bằng văn bản cho Bên B việc chấm dứt Hợp đồng. Việc chấm dứt này sẽ có hiệu lực sau 03 ngày sau khi Bên B nhận được thông báo này của Bên A.

10.3. Xác định giá vào ngày chấm dứt Hợp đồng:

Ngay khi thông báo chấm dứt theo quy định tại khoản 10.2, Điều 10 của Hợp đồng [Chấm dứt Hợp đồng bởi Bên A] có hiệu lực, Bên A sẽ xem xét đồng ý hoặc xác định giá trị của công trình, vật tư, vật liệu và tài liệu của Bên B và các khoản tiền phải thanh toán cho Bên B cho các công việc được thực hiện theo đúng Hợp đồng và tiền bồi thường, phạt vi phạm hợp đồng của Bên B.

10.4. Thanh toán sau khi chấm dứt Hợp đồng:

Sau khi thông báo chấm dứt Hợp đồng theo quy định của Hợp đồng này có hiệu lực, Bên A được:

a) Không thanh toán thêm cho Bên B cho đến khi chi phí thi công, hoàn thành và sửa chữa các sai sót và hư hỏng do chậm trễ trong thời gian hoàn thành (nếu có) và các chi phí khác mà Bên A chấp thuận đã được xác định.

b) Thu lại từ Bên B các phí tổn do hư hỏng, mất mát mà Bên A phải chịu, các chi phí thêm khác của việc hoàn thành công trình và tiền bồi thường, phạt vi phạm hợp đồng của Bên B. Sau khi đã thu hồi lại từ các mất mát, hư hỏng và các chi phí thêm, Bên A sẽ thanh toán phần tiền cân đối còn lại cho Bên B.

Điều 11. Tạm ngừng và chấm dứt hợp đồng bởi Bên B

11.1. Bên B được quyền chấm dứt Hợp đồng nếu:

a) Bên B không nhận được số tiền được thanh toán trong vòng 30 ngày kể từ ngày Bên A nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ.

b) Bên A về cơ bản không thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng.

c) Việc tạm ngừng thi công bị kéo dài quá 15 ngày (do lỗi của Bên A).

d) Bên A bị phá sản.

11.2. Ngừng công việc và di dời thiết bị.

Bên B thông báo bằng văn bản cho Bên A việc chấm dứt Hợp đồng. Việc chấm dứt này sẽ có hiệu lực sau 03 ngày sau khi Bên A nhận được thông báo này của Bên B, Bên B sẽ ngay lập tức:

a) Ngừng tất cả các công việc thêm, ngoại trừ các công việc đã được Bên A hướng dẫn để bảo vệ con người và tài sản hoặc an toàn của công trình.

b) Chuyển giao cho Bên A toàn bộ tài liệu của Bên B, thiết bị, các vật liệu và các công việc khác mà Bên B đã được thanh toán.

c) Di dời tất cả vật tư, vật liệu khỏi công trường, ngoại trừ các thứ cần thiết cho việc an toàn và rời khỏi công trường.

11.3. Thanh toán khi chấm dứt Hợp đồng :

Sau khi thông báo chấm dứt Hợp đồng đã có hiệu lực, Bên A ngay lập tức thanh toán cho Bên B.

Điều 12. Bảo hành công trình

Thời gian bảo hành công trình: 12 tháng kể từ ngày bàn giao đưa vào sử dụng trong điều kiện vận hành bình thường. Bên A sẽ tạm giữ giá trị bảo hành bằng 5% giá trị quyết toán hoặc Bên B phát hành thư bảo lãnh bảo hành của ngân hàng giá trị 5% giá trị quyết toán.

Trong thời gian bảo hành, Bên A cần thông báo cho Bên B về những hư hỏng liên quan tới công việc do lỗi của Bên B gây ra. Trong vòng 24 giờ Bên B phải khắc phục các sự cố liên quan đến trách nhiệm bảo hành công trình kể từ khi nhận được thông báo của Bên A. Nếu Bên B không có động thái khắc phục thì Bên A có quyền tự khắc phục sự cố và toàn bộ chi phí do Bên B phải chi trả theo thông báo của Bên A và được trừ vào giá trị thanh toán hoặc Bên A có văn bản gửi ngân hàng phát hành bảo lãnh bảo hành yêu cầu thanh toán số tiền Bên A tự khắc phục.

Điều 14. Rủi ro và Bất khả kháng

14.1. Rủi ro và bất khả kháng:

a) Rủi ro là nguy cơ ảnh hưởng tiêu cực đến việc thực hiện Hợp đồng.

b) Bất khả kháng là một sự kiện rủi ro xảy ra ngoài ý chí của con người khiến chúng ta không thể chống đỡ nổi khi xảy ra và không thể lường trước khi ký kết Hợp đồng như: động đất, bão, lũ, lụt, lốc, lở đất, hoạt động núi lửa, hỏa hoạn, sóng thần, chiến tranh, đảo chính, đình công, cấm vận, dịch bệnh.

14.2. Thông báo về bất khả kháng:

Nếu một bên bị cản trở thực hiện bất cứ nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng do tình trạng bất khả kháng, bên đó phải gửi thông báo cho bên kia về sự việc hoặc trường hợp gây nên tình trạng bất khả kháng và phải nêu rõ các nghĩa vụ, công việc đã và sẽ bị cản trở. Thông báo phải được gửi sớm nhất sau khi bên đó nhận biết được tình trạng, hoặc lẽ ra đã nhận biết được về sự việc hoặc trường hợp gây nên tình trạng bất khả kháng.

Điều 15. Khiếu nại và xử lý các tranh chấp

15.1. Khiếu nại:

Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

15.2. Xử lý các tranh chấp:

Bên A và bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên theo đúng quy định của hợp đồng và thông qua thương lượng, hòa giải.

Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng quy định của hợp đồng và thương lượng, hòa giải trong thời gian 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết ở Toà án tỉnh Lào Cai. Án phí ban đầu do bên nguyên chịu, không phụ thuộc vào quyết định cuối cùng của toà án. Quyết định của Toà án buộc các bên thực hiện ngay trách nhiệm và nghĩa vụ của mình.

Điều 16. Quyết toán và thanh lý Hợp đồng

16.1. Quyết toán Hợp đồng:

Trong vòng 20 ngày sau khi Bên A phát hành biên bản nghiệm thu đã hoàn thành toàn bộ nội dung công việc theo quy định của Hợp đồng, Bên B sẽ trình cho Bên A 04 (bộ) hồ sơ quyết toán Hợp đồng với các tài liệu trình bày chi tiết theo mẫu mà Bên A đã chấp thuận.

Thời hạn thực hiện quyết toán hợp đồng: Theo quy định tại khoản 2 điều 147 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 kể từ khi 2 bên hoàn thành đủ bộ hồ sơ quyết toán A-B theo quy định trên.

16.2. Thanh lý Hợp đồng:

a) Hợp đồng được thanh lý trong trường hợp:

Các bên hoàn thành các nghĩa vụ theo Hợp đồng đã ký.

Hợp đồng bị chấm dứt (huỷ bỏ) theo quy định của Hợp đồng.

b) Việc thanh lý Hợp đồng phải được hoàn tất trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày các bên tham gia Hợp đồng hoàn thành các nghĩa vụ theo Hợp đồng hoặc Hợp đồng bị

chấm dứt (huỷ bỏ). Bên A không chịu trách nhiệm với bên B về bất cứ việc gì và vấn đề gì theo Hợp đồng hoặc liên quan đến Hợp đồng sau khi thanh lý Hợp đồng.

Điều 17. Điều khoản chung

Hai bên cam kết thực hiện đúng những điều khoản đã quy định trong Hợp đồng này.

Mọi thay đổi bổ sung (*nếu có*) phải được bàn bạc, thống nhất và thể hiện bằng phụ lục hợp đồng ký giữa đại diện hai bên mới có hiệu lực thực hiện.

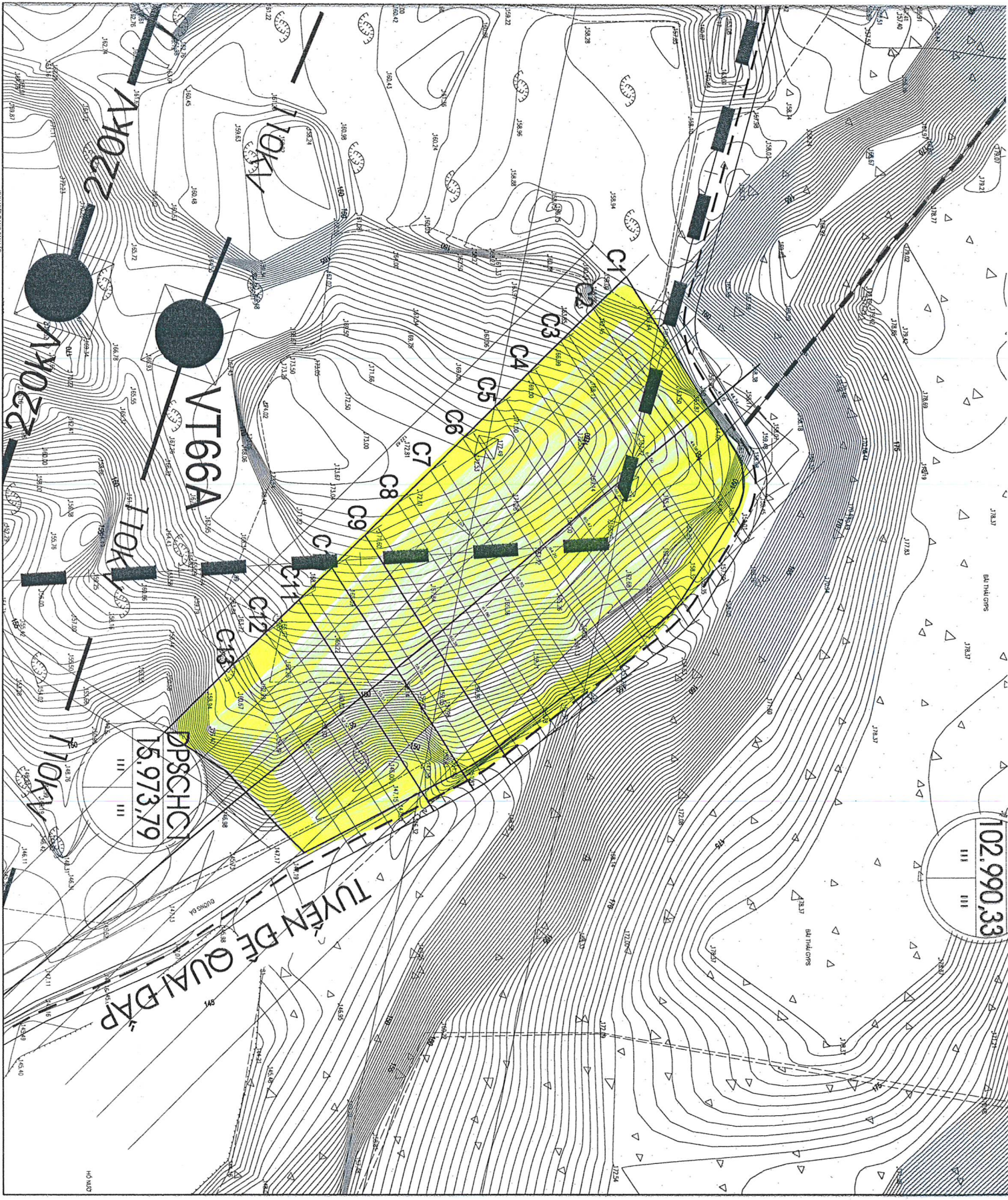
Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.

– Hợp đồng này bao gồm ... trang và 01 phụ lục được lập thành 04 bản bằng tiếng Việt. Bên A giữ 03 bản; bên B giữ 01 bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B





110KV
220KV

VT66A

DPSCHCI
15.973.79

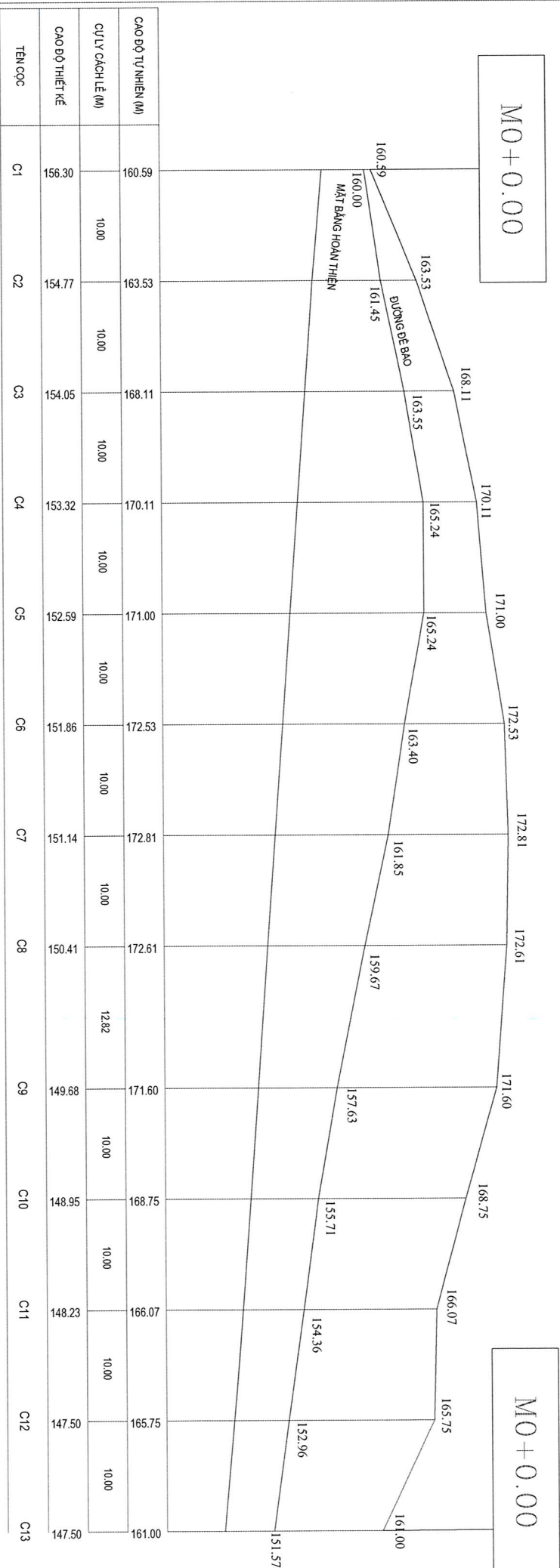
TUYEN DE QUAI DAP

102.990,33

C1
C2
C3
C4
C5
C6
C7
C8
C9
C10
C11
C12
C13

MO+0.00

MO+0.00



CÔNG TY CỔ PHẦN DẠP SỐ 2 – VINACHEM

KCN TẦNG LÒNG THỊ TRẤN TẦNG LÒNG BẢO THẮNG LẠO CAI

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

HÀNG MỤC: ĐẢM BẢO AN TOÀN VẬN HÀNH BÀI THẢI GYPS TẠM THỜI

KIỂM TRA

THIẾT KẾ

BVTK

02/15

NGUYỄN VĂN TÚ

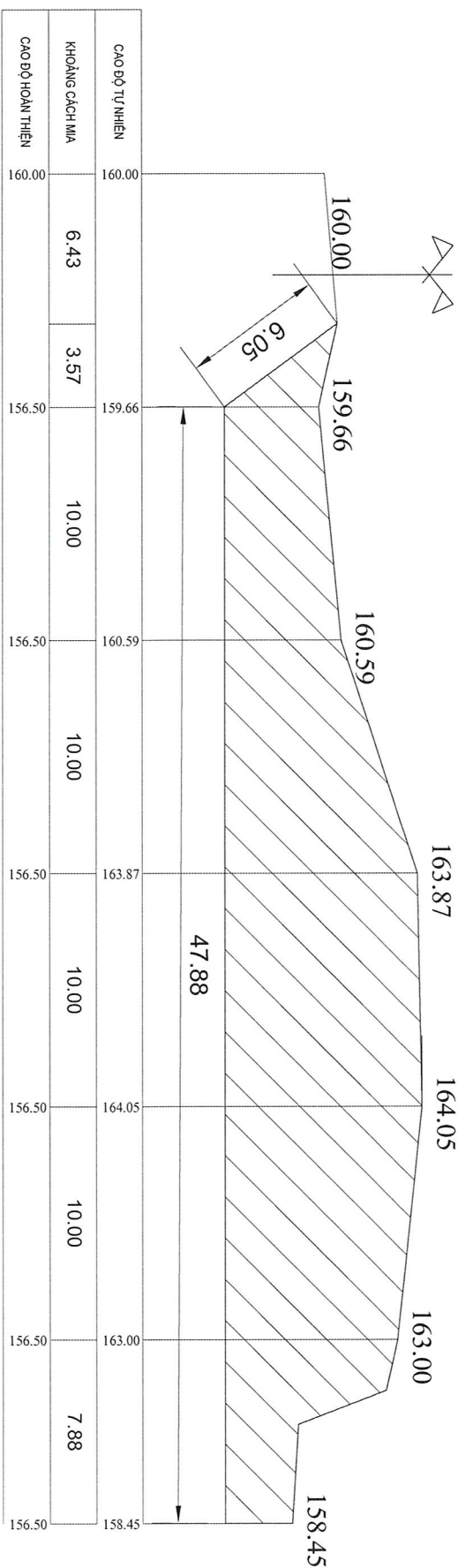
ĐỖ VĂN NGUYỄN

BÙI VĂN THẮNG

HT: 03-2024

ĐẠO ĐẤT CẤP III :	375.240	M2
ĐẬP ĐẤT CẤP III :	0,00	M2

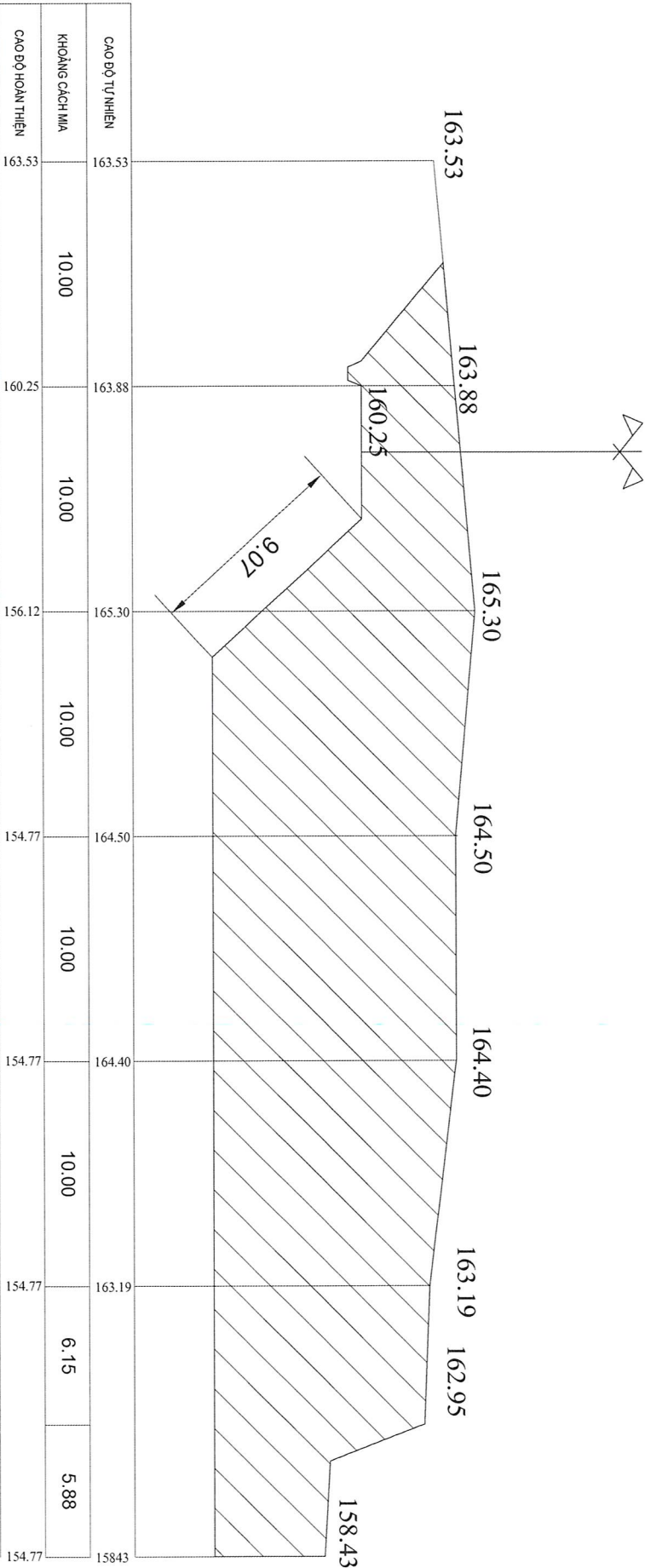
Cọc: C1
KMO+0.00



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẬP SỐ 2 – VINACHEM		HÀNG MỤC: ĐÀM BẢO AN TOÀN VẬN HÀNH BÀI THAI GYPS TÂM THỜI	
KON TĂNG LƯỜNG THỊ TRẤN TĂNG LƯỜNG BẢO THẮNG LẠO CAI			
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC	KIỂM TRA	THIẾT KẾ	BVTK
NGUYỄN VĂN TÚ	ĐỖ VĂN NGUYỄN	BÙI VĂN THẮNG	03 15
		HT: 03-2024	

ĐẠO ĐẤT CẤP III :	491.375	M2
ĐẠP ĐẤT CẤP III :	0.00	M2

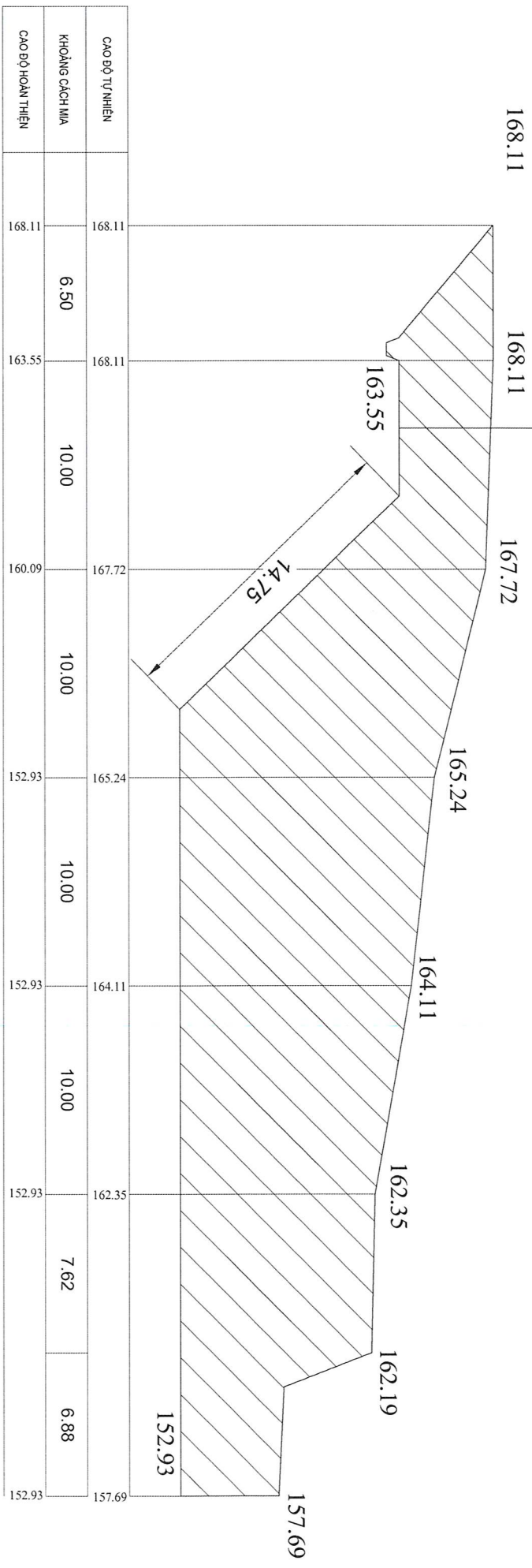
Cọc: C2
M0+10M



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠP SỐ 2 - VINACHEM KCN TĂNG LƯƠNG THỊ TRẦN TĂNG LƯƠNG BẢO THẮNG LẠO CAI		HẠNG MỤC: ĐÀM BẢO AN TOÀN VẬN HÀNH BÀI THẢI GPSS TẠM THỜI	
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC	KIỂM TRA	THIẾT KẾ	BVTK
NGUYỄN VĂN TỬ	ĐỖ VĂN NGUYỄN	BÙI VĂN THẮNG	04 15
			HT: 03-2024

Cọc: C3
M0+20M

ĐẠO ĐẤT CẤP III :	518,759	M2
ĐẠO ĐẤT CẤP III :	0,00	M2



CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	168.11	168.11	167.72	165.24	164.11	162.35	162.19	157.69
KHOẢNG CÁCH MÀ	6.50	10.00	10.00	10.00	10.00	7.62	6.88	
CAO ĐỘ HOÀN THIỆN	168.11	163.55	160.09	152.93	152.93	152.93	152.93	152.93

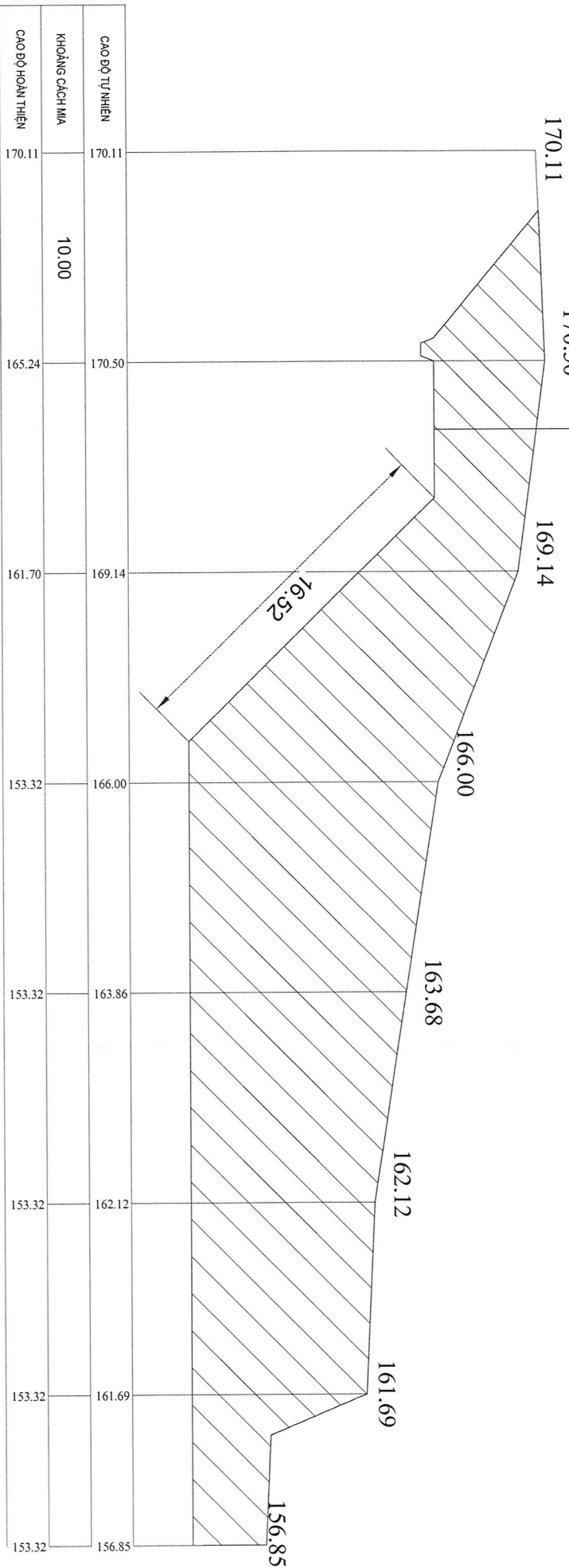
CÔNG TY CỔ PHẦN DẠP SỐ 2 - VINACHEM		HÀNG MỤC: ĐẢM BẢO AN TOÀN VẬN HÀNH BÀI THAI GPFS TÂM THỜI	
KCN TÀNG LƯỜNG THỊ TRẦN TÀNG LƯỜNG BẢO THẮNG LAO CAI		KIỂM TRA	
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC		ĐỒ VẼ NGUYỄN	
NGUYỄN VĂN TÚ		BÙI VĂN THẮNG	

BVTK	05
	15

HT: 03-2024

Cọc: C4
M0+30M

Đất đai Cọc III :	507,615	M2
Đất đai Cọc III :	0,000	M2



CÔNG TY CỔ PHẦN DẠP SỐ 2 - VINACHEM
KCN TĂNG LƯỜNG THỊ TRƯỜNG TĂNG LƯỜNG BẢO THẮNG LÀO CAI

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

HÀNG MỤC: ĐÀM BẢO AN TOÀN VẬN HÀNH BÀI THẢI GYPS TÂM THỜI

KIỂM TRA

BVTK
06
15

NGUYỄN VĂN TÚ

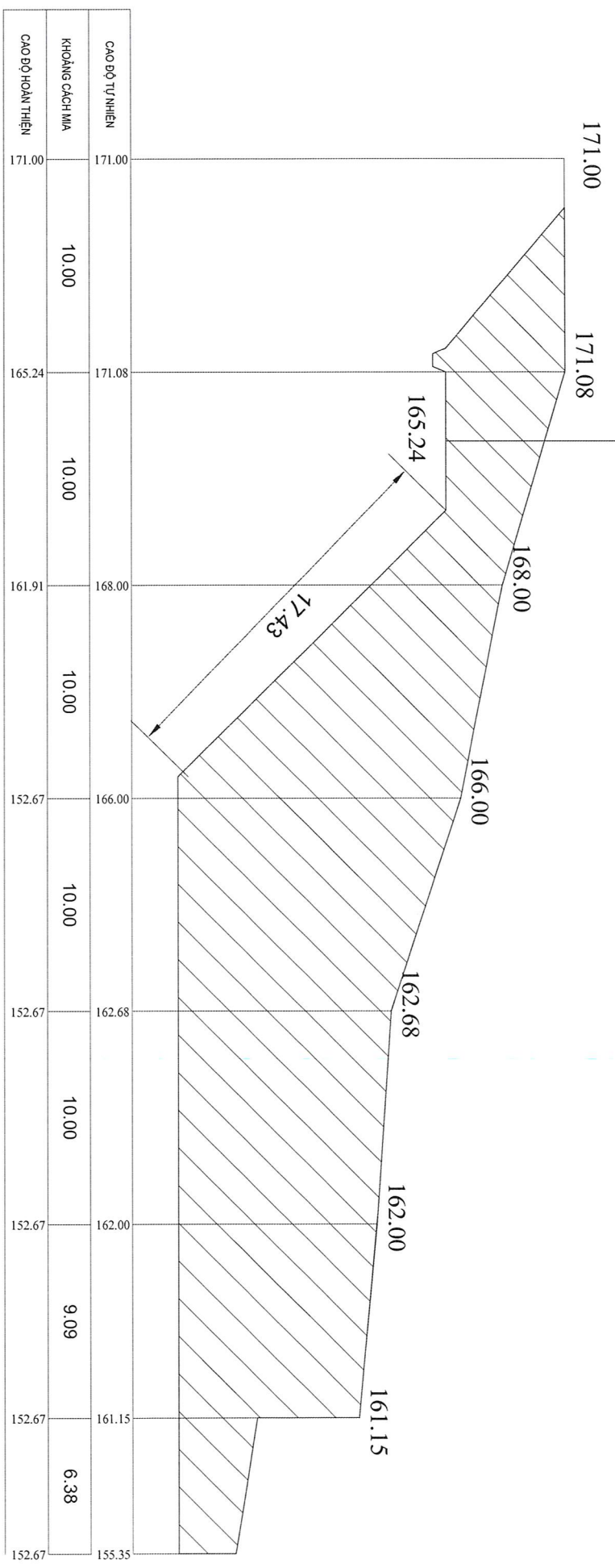
ĐỖ VĂN NGUYỄN

BÙI VĂN THẮNG

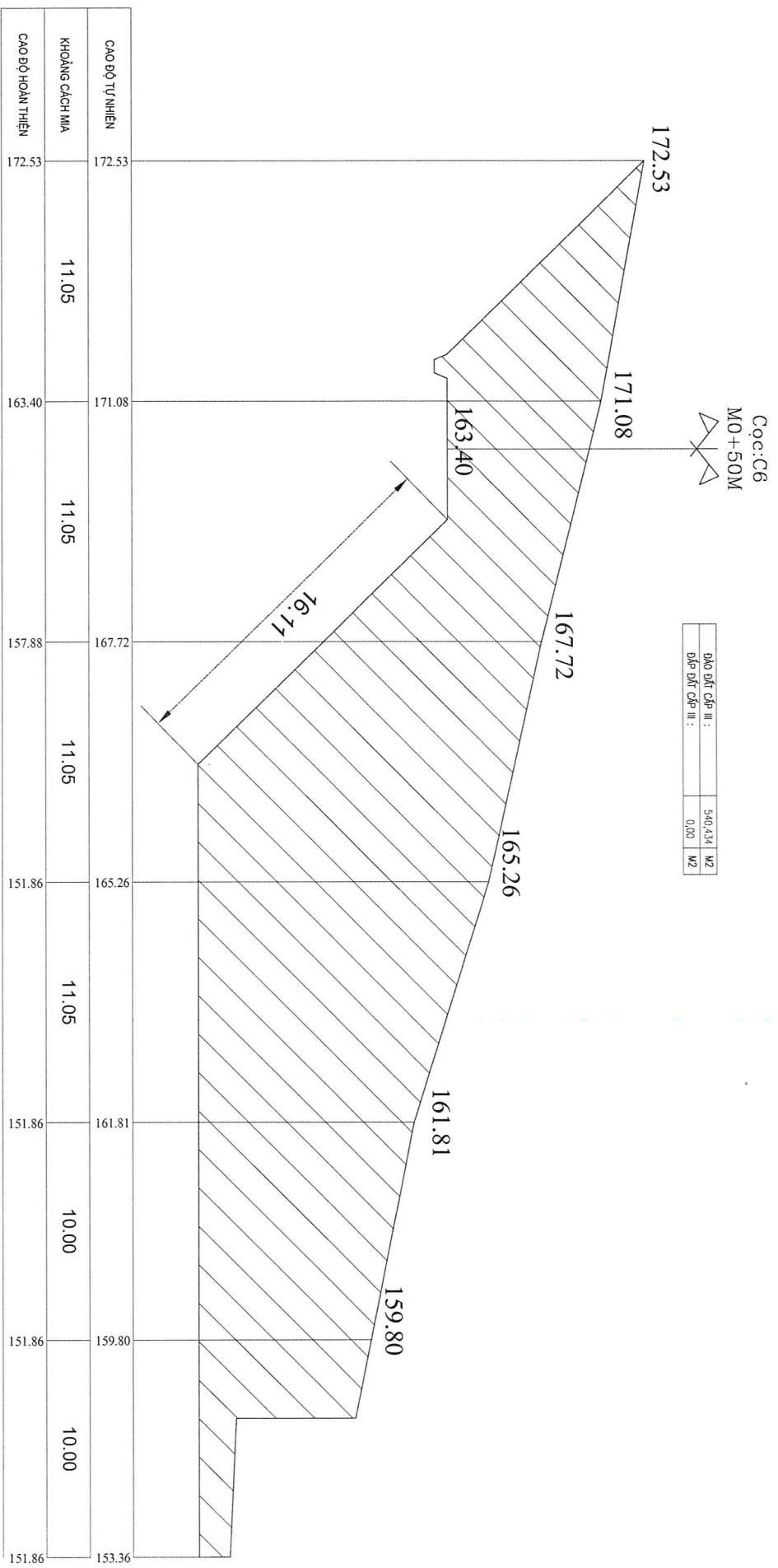
HT: 03-2024

Cọc: C5
M0+40M

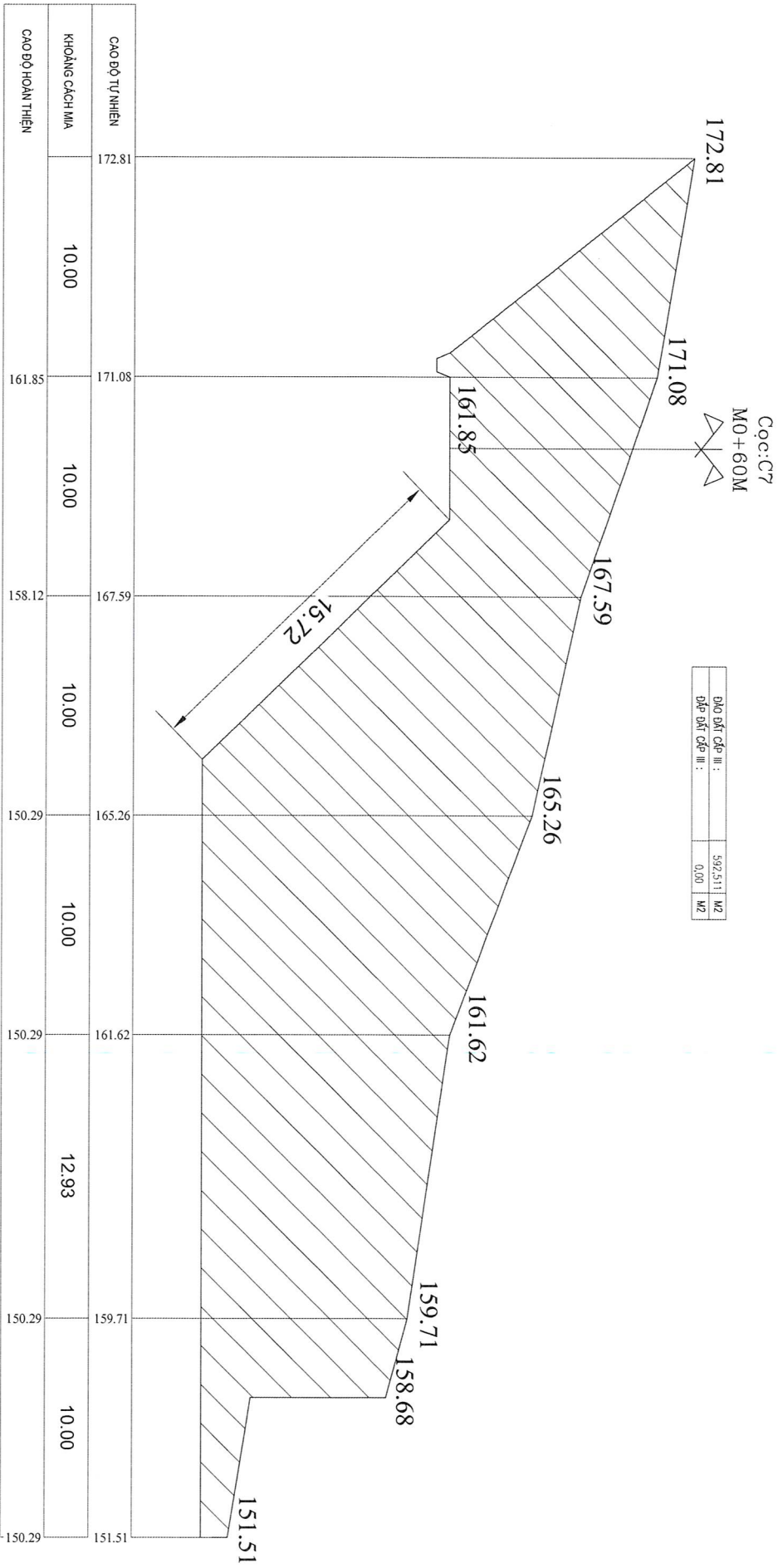
Đạo đất cấp III :	500.507	M2
Đạo đất cấp III :	0.00	M2



CÔNG TY CỔ PHẦN DẠP SỐ 2 – VINACHEM		HÀNG MỤC: ĐÀM BẢO AN TOÀN VẬN HÀNH BÀI THAI CẤP 3 TAM THỜI	
KCN TỈNH LƯỜNG THỊ TRẤN TỈNH LƯỜNG BẢO THẮNG LAO CÀM			
PHÓ TỈNH GIÁM ĐỐC	KIỂM TRA	THIẾT KẾ	BVTK
NGUYỄN VĂN TÚ	ĐỖ VĂN NGUYÊN	BÙI VĂN THẮNG	07/15
			HT: 03-2024



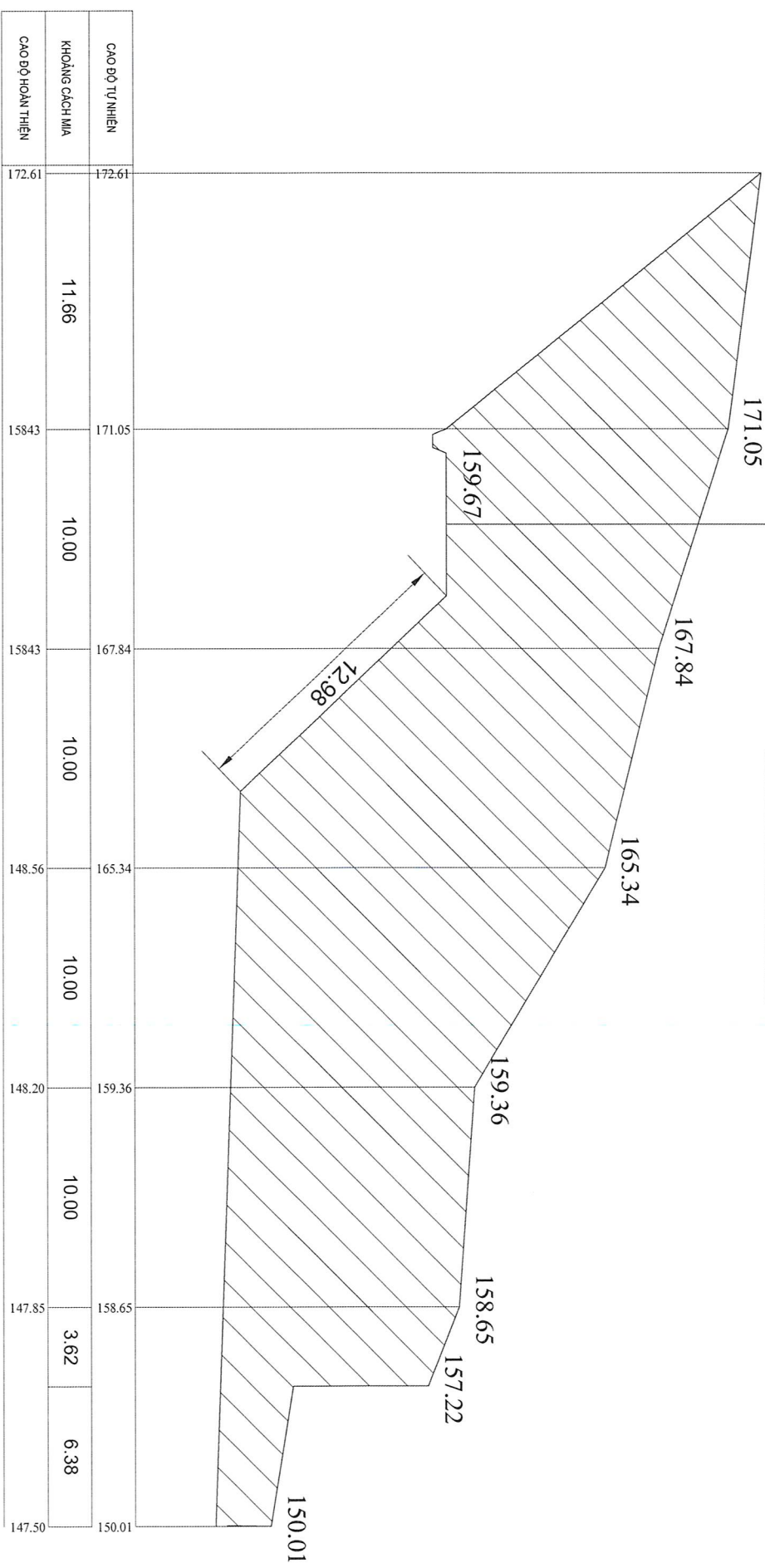
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠP SỐ 2 - VINACHEM		HẠNG MỤC: ĐẢM BẢO AN TOÀN VẬN HÀNH BÀI THẢI GPSS TẠM THỜI	
KCN TĂNG LƯỜNG THỊ TRẤN TĂNG LƯỜNG ĐẠO THẮNG LAO CAI			
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC	KIỂM TRA	THIẾT KẾ	BVTK
NGUYỄN VĂN TÚ	ĐỖ VĂN NGUYỄN	BÙI VĂN THẮNG	08 15
		HT: 03-2024	



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẬP SỐ 2 – VINACHEM		HÀNG MỤC: ĐAM BẢO AN TOÀN VẬN HÀNH BÀI THẢ CẤP TÂM THỜI	
KCN TĂNG LƯỜNG THỊ TRẤN TĂNG LƯỜNG BẢO THẮNG LAO CMI			
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC	KIỂM TRA	THIẾT KẾ	BVTK
			09/15
NGUYỄN VĂN TÚ	ĐỖ VĂN NGUYỄN	BÙI VĂN THẮNG	HT: 03-2024

Cọc: C8
M0+70M

ĐẠO ĐẤT CẤP III :	666,798	M2
ĐẠO ĐẤT CẤP III :	0,000	M2



CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	172.61	171.05	167.84	165.34	159.36	158.65	157.22	150.01
KHOẢNG CÁCH MÀ	11.66	10.00	10.00	10.00	10.00	3.62	6.38	
CAO ĐỘ HOÀN THIÊN	172.61	158.43	158.43	148.56	148.20	147.85	147.50	

CÔNG TY CỔ PHẦN DẠP SỐ 2 - VINACHEM
KCN TĂNG LƯỜNG THỊ TRẤN TĂNG LƯỜNG BẢO THẮNG LẠO CAI

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

HÀNG MỤC: ĐẢM BẢO AN TOÀN VẬN HÀNH BÀI THẢI GYPS TÂM THỜI

KIỂM TRA

THIẾT KẾ

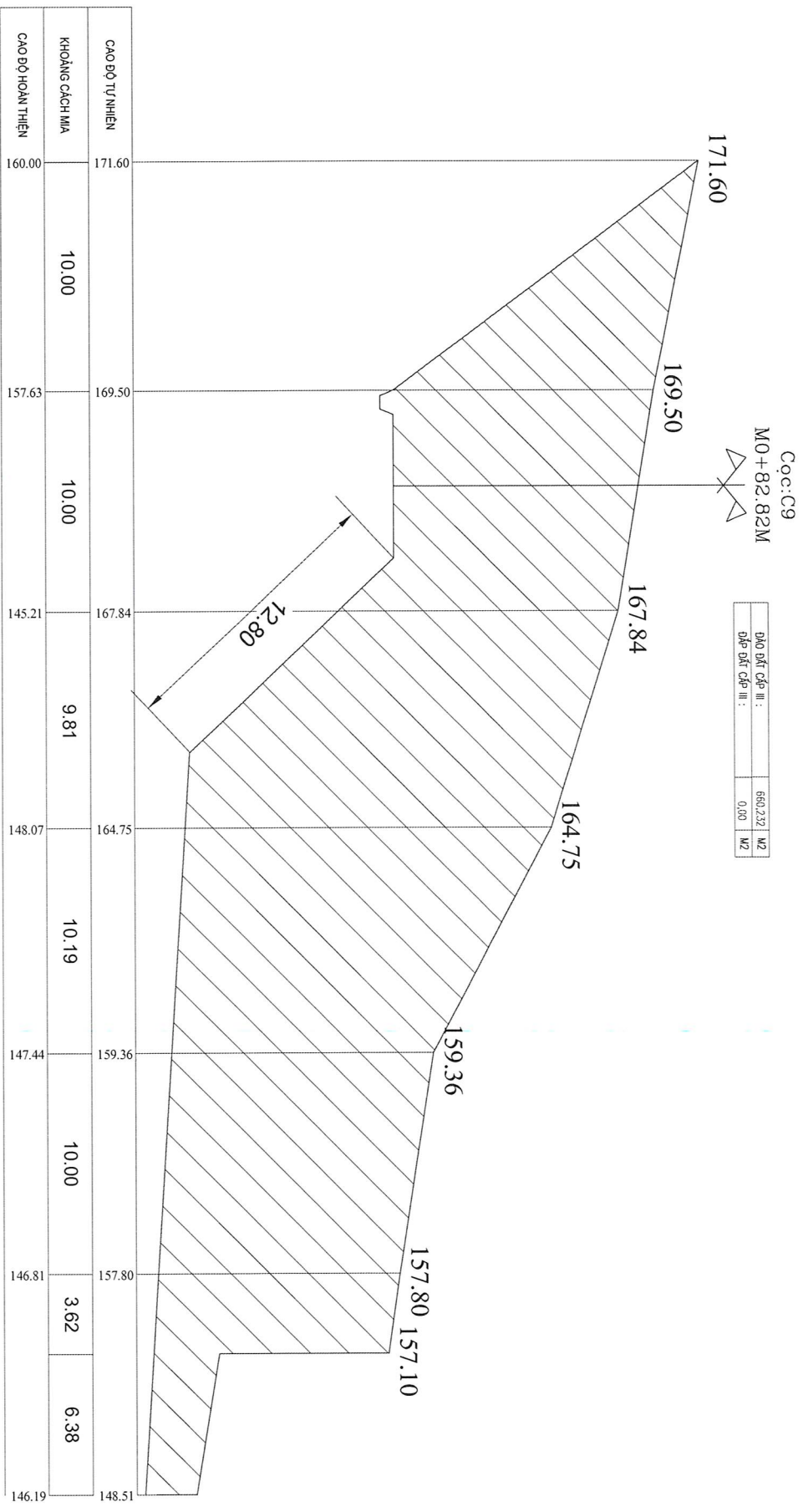
ĐỒ VẼ NGUYÊN

BVTK
10/15
HT: 03-2024

NGUYỄN VĂN TỬ

ĐỒ VẼ NGUYÊN

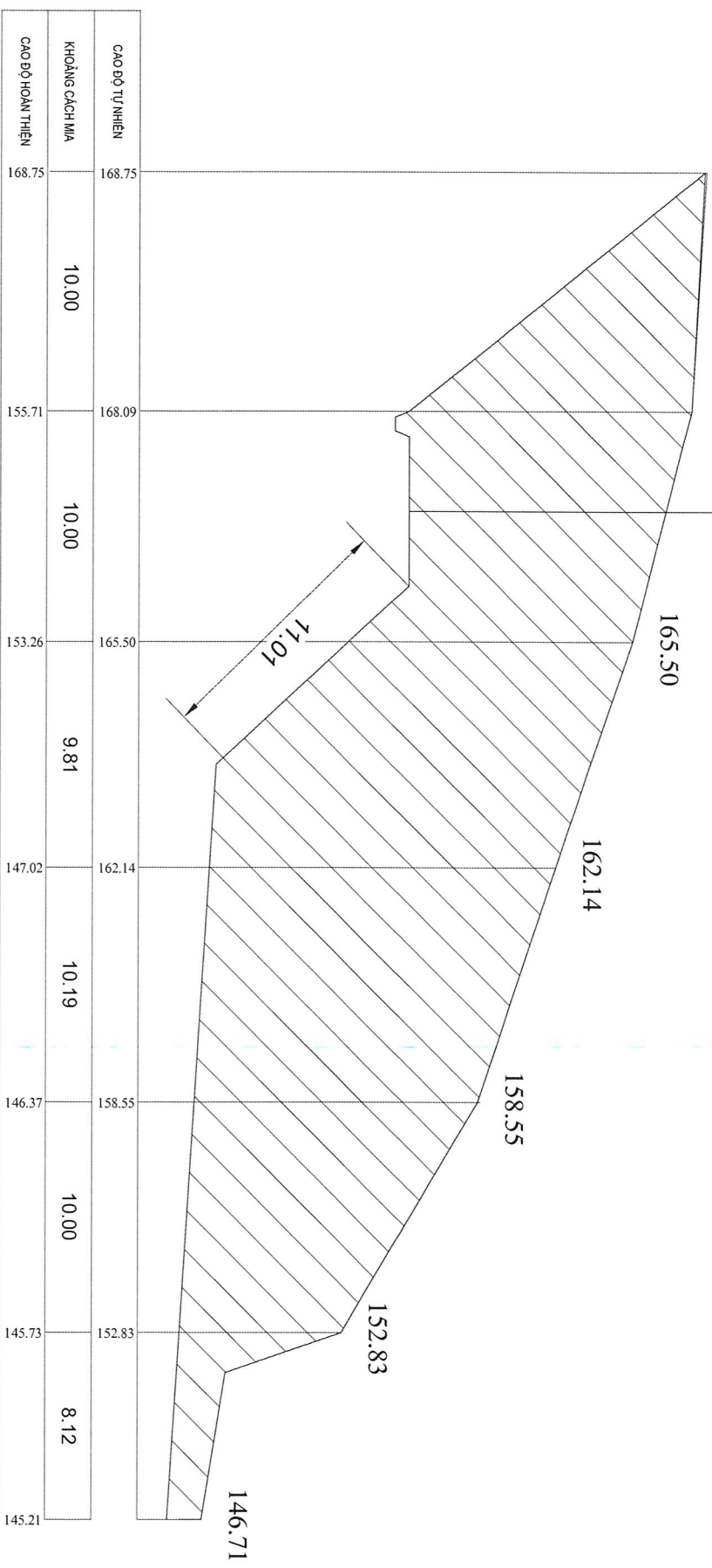
BÙI VĂN THẮNG



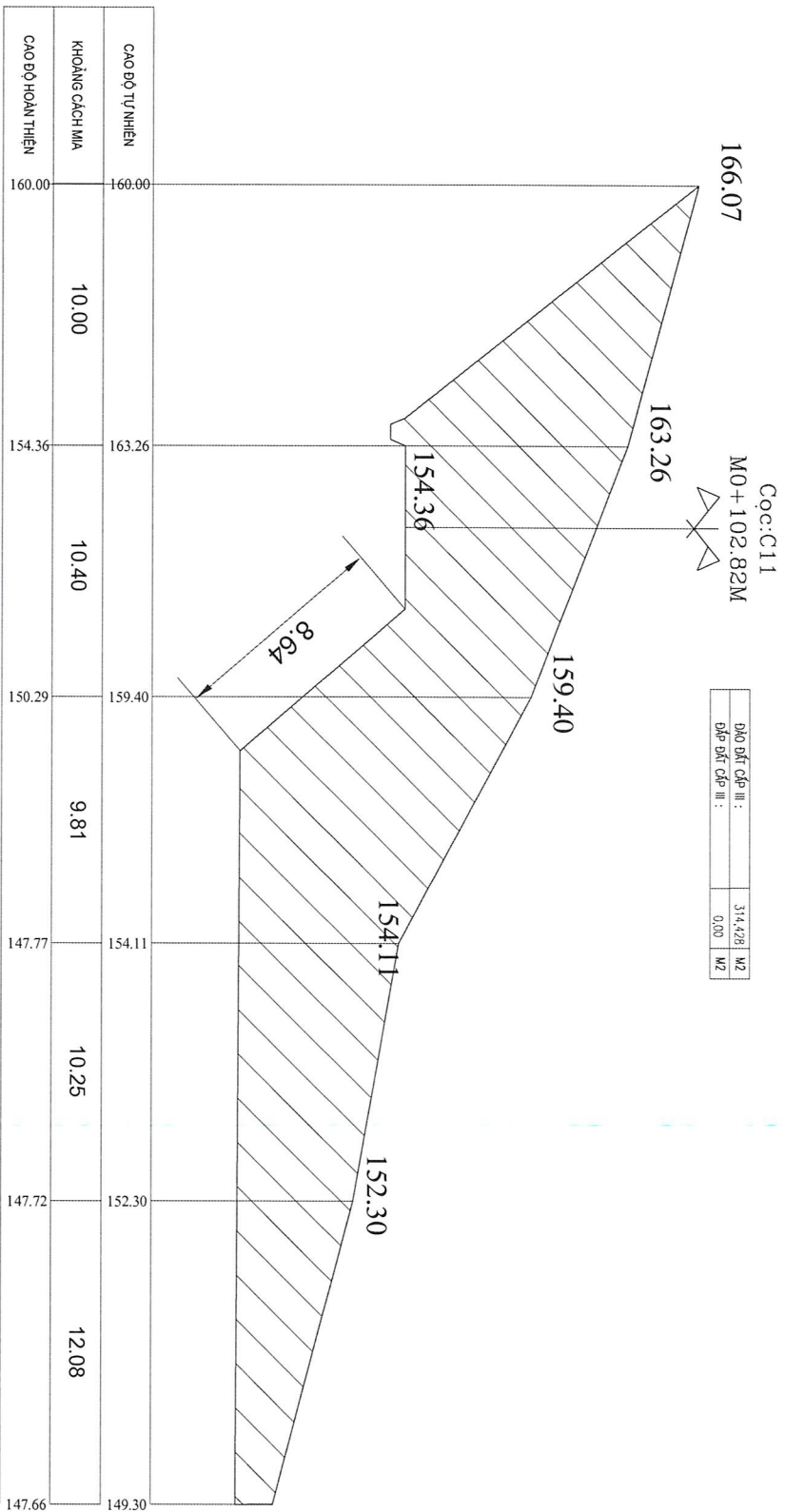
CÔNG TY CỔ PHẦN DẠP SỐ 2 - VINACHEM		HÀNG MỤC: ĐẢM BẢO AN TOÀN VẬN HÀNH BÀI THẢ GYPS TẠM THỜI	
KCN TĂNG LƯỜNG THỊ TRẤN TĂNG LƯỜNG BẢO THẮNG LAO CAI			
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC		KIỂM TRA	THIẾT KẾ
NGUYỄN VĂN TỬ		ĐỖ VĂN NGUYỄN	BÙI VĂN THẮNG
			BVTK 11/15
			H.T: 03-2024

Cọc: C10
M0+92.82M

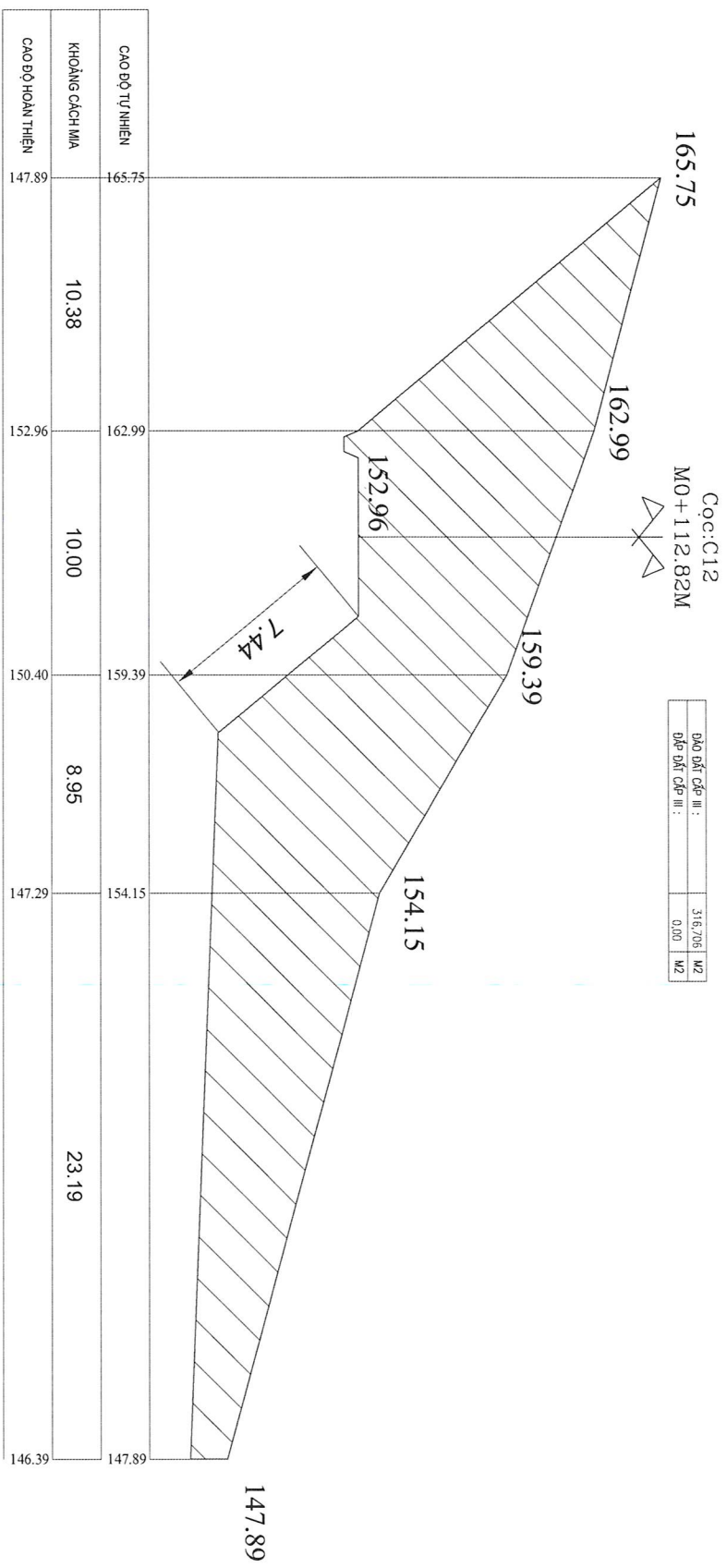
ĐẠO ĐẤT CẤP III :	594.3701	M2
ĐẬP ĐẤT CẤP III :	0.00	M2



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẬP SỐ 2 – VINACHEM		HÀNG MỤC: ĐÀM BẢO AN TOÀN VẬN HÀNH BÀI THAI GPS TẠM THỜI	
KCN TĂNG LƯỜNG THỊ TRẤN TĂNG LƯỜNG BẢO THẮNG LẠO CMI			
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC	KIỂM TRA	THIẾT KẾ	BVK
			12/15
NGUYỄN VĂN TÚ	ĐỖ VĂN NGUYỄN	BÙI VĂN THẮNG	HT: 03-2024



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠP SỐ 2 - VINACHEM		HẠNG MỤC: ĐẢM BẢO AN TOÀN VẬN HÀNH BÀI THẢI GYPS TẠM THỜI	
KCN TĂNG LƯỜNG THỊ TRẤN TĂNG LƯỜNG BẢO THẮNG LẠO CMI			
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC	KIỂM TRA	THIẾT KẾ	BVTK
			13/15
NGUYEN VAN TU	ĐỖ VĂN NGUYỄN	BÙI VĂN THẮNG	HT: 03-2024



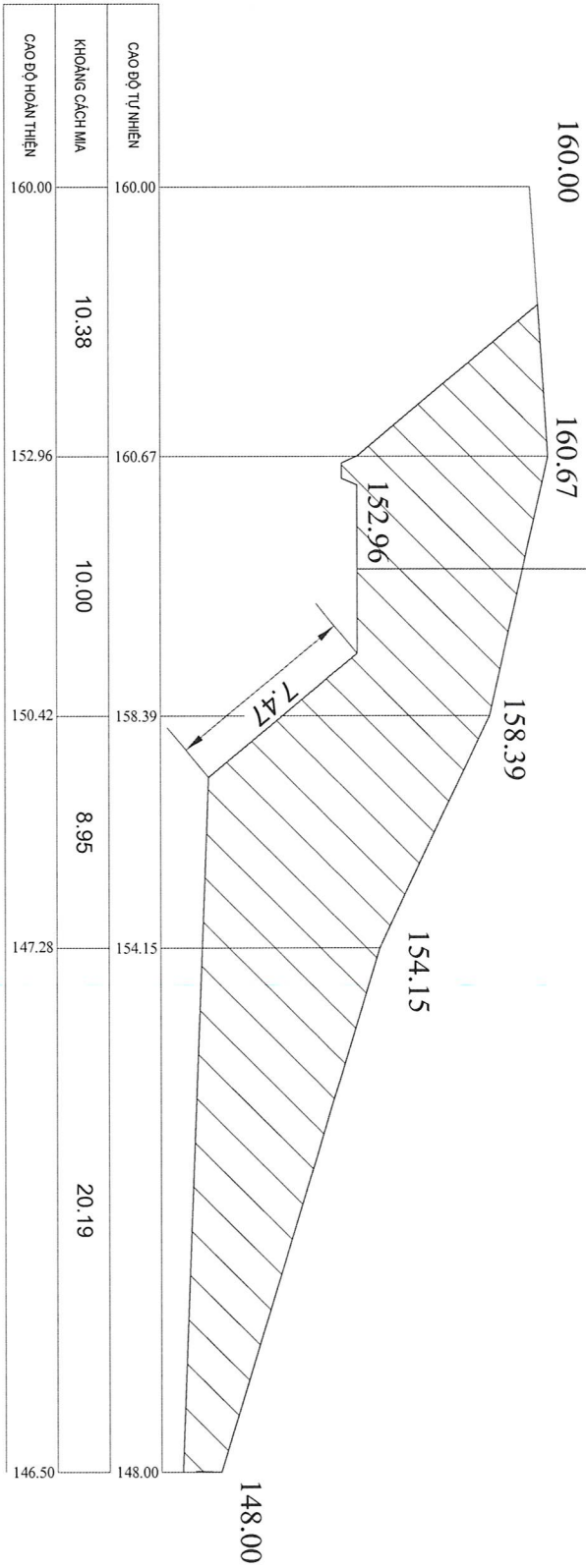
Đào đất cấp III :	316,706	M2
Đắp đất cấp III :	0,000	M2

CÔNG TY CỔ PHẦN DẠP SỐ 2 - VINACHEM		HẠNG MỤC: ĐẢM BẢO AN TOÀN VẬN HÀNH BÀI THẢI GPFS TẠM THỜI	
KCN TĂNG LƯỜNG THỊ TRẤN TĂNG LƯỜNG ĐẢO THĂNG LẠO CAI			
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC	KIỂM TRA	THIẾT KẾ	BVTK
			14/15
NGUYỄN VĂN TÚ	ĐỖ VĂN NGUYỄN	BÙI VĂN THẮNG	HT: 03-2024

Cọc:C13
M0+122.82M



ĐẠO ĐẤT CẤP III :	253,001	M2
ĐẬP ĐẤT CẤP III :	0,00	M2



CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	160.00	160.67	152.96	158.39	154.15	147.28	148.00
KHOẢNG CÁCH MÀ	10.38	10.00	8.95	20.19	147.28	146.50	
CAO ĐỘ HOÀN THIÊN	160.00	152.96	150.42	148.00	146.50		

CÔNG TY CỔ PHẦN DẠP SỐ 2 - VINACHEM
KCN TĂNG LƯỜNG THỊ TRƯỜNG TĂNG LƯỜNG BẢO THẮNG LẠO CAI

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

KIỂM TRA

THIẾT KẾ

HÀNG MỤC: ĐÀM BẢO AN TOÀN VẬN HÀNH BÀI THẢI GYPS TÂM THỜI

BVTK

15/15

NGUYỄN VĂN TÚ

ĐỖ VĂN NGUYỄN

BÙI VĂN THẮNG

HT: 03-2024